

Bản án số: 931/2019/HNGĐ-ST

Ngày 25-9-2019

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bành Kim Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Minh Hải.

Ông Vũ Trung Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1000/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đình Xuân A, sinh năm 1984; Hộ khẩu thường trú đường T, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Trú tại: đường K, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Dương Thị Minh C, sinh năm 1981; Hộ khẩu thường trú đường T, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Trú tại đường T, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13 tháng 9 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn – ông Nguyễn Đình Xuân A trình bày:

Ông và bà Dương Thị Minh C tự nguyện tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 14, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 204/2010, quyển số 01/2010 ngày 29/11/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với ba mẹ chồng tại Âu Cơ, quận Tân Bình. Sau đó vì mâu thuẫn giữa vợ và mẹ chồng nên cả hai dọn đi thuê nhà ở quận Tân Phú sống. Thời gian sau thì mẹ chồng và bà C hòa hợp trở lại nên vợ chồng lại dọn về sống chung với mẹ

chồng tại đường T, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, sống được một thời gian thì mâu thuẫn lại tiếp tục xảy ra và vợ chồng đã ra ngoài thuê nhà ở. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn trong mọi vấn đề từ vấn đề tài chính, vấn đề dạy dỗ con, cách cư xử với nhau... Cuộc sống gia đình không hạnh phúc và ông nhận thấy không thể tiếp tục sống chung hạnh phúc được nữa nên năm 2015 nộp đơn ly hôn, tuy nhiên ông cũng suy nghĩ và rút đơn, vợ chồng quay về chung sống nhưng vẫn không cải thiện được, mâu thuẫn vẫn tồn tại và tiếp diễn. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay ông yêu cầu ly hôn để vợ chồng ổn định cuộc sống.

- Về con chung: vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Minh L, sinh ngày 01/4/2012, Nguyễn Xuân M, sinh ngày 10/02/2016 và Nguyễn Khả N, sinh ngày 02/9/2017. Ly hôn, ông A yêu cầu giao 03 con chung cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, ông A cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông A khai không có.

Theo Biên bản lấy lời khai ngày 15/01/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn - bà Dương Thị Minh C trình bày:

Thời gian Bà C và ông A quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, chung sống đúng như ông A trình bày. Quá trình chung sống giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và tính cách, giữa bà và mẹ chồng cũng có xích mích nhỏ xảy ra. Tuy nhiên, ông A muốn ly hôn với bà C là do ông A có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên mới đòi ly hôn với bà C. Ông A sống chỉ biết dựa vào gia đình, không có chính kiến, chỉ biết tiêu xài cho bản thân, không góp tiền phụ giúp bà C nuôi con. Từ khi ly thân cho đến nay, ông A cũng không hề chu cấp tiền nuôi con, thỉnh thoảng mới mua được thùng sữa hay món đồ chơi cho con. Mặc dù vậy, bà C vẫn muốn con có đủ cha mẹ nên bà không đồng ý ly hôn. Nếu ông A vẫn kiên quyết muốn ly hôn thì yêu cầu ông A đưa tiền cấp dưỡng nuôi 03 con 1 lần cho bà thì bà sẽ đồng ý ly hôn.

- Về con chung: vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Minh L, sinh ngày 01/4/2012, Nguyễn Xuân M, sinh ngày 10/02/2016 và Nguyễn Khả N, sinh ngày 02/9/2017. Nếu phải ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi 03 con chung một lần là 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng do từ lúc ly thân, ông A không hề cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà C khai không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn ông A xác định đã không còn tình cảm với bà C nên ông vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn.

- Về con chung: ông A giữ nguyên yêu cầu giao 03 con chung cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, ông A cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.500.000 đồng/tháng. Thực hiện cấp dưỡng từ tháng 9/2019. Mặc dù ông cũng mong muốn nuôi 01 con nhưng không muốn tách 03 anh em ra nên tạm thời vẫn để 03 con cho bà C tiếp tục trực tiếp chăm sóc.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông A khai không có.

Bị đơn có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của Nguyên đơn tại phiên tòa đã đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Đình Xuân A có đơn xin ly hôn bà Dương Thị Minh C, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình - bị đơn ngụ tại quận Tân Bình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Nguyễn Đình Xuân A có mặt.

Bị đơn bà Dương Thị Minh C có đơn xin vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1.1] Về hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 204/2010, quyền số 01/2010 do Ủy ban nhân dân Phường 14, quận Tân Bình, Tp. HCM cấp ngày 29/11/2010 thì quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Ông A yêu cầu ly hôn với bà C do ông không còn tình cảm với bà C, hai bên đã có nhiều mâu thuẫn xảy ra không thể khắc phục được, vợ chồng ly thân từ năm 2017, nay vợ chồng không thể quay về chung sống nhau được nữa. Bà C có thừa nhận về mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng, tuy nhiên cho rằng mâu thuẫn không đến mức ly hôn nên bà không đồng ý ly hôn để các con có trọn vẹn

cả cha mẹ; trường hợp ông A cấp dưỡng 01 lần cho các con thì bà đồng ý ly hôn. Tại phiên toà ông A cương quyết ly hôn vì thời gian ly thân đã lâu, tình cảm không còn. Xét lời trình bày của các bên, Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống vợ chồng giữa ông A, bà C đã có tồn tại mâu thuẫn kéo dài, ông A đã nhiều lần nộp đơn ly hôn thể hiện việc khắc phục mâu thuẫn không có kết quả và chứng tỏ sự cương quyết muốn ly hôn của ông A. Do hạnh phúc gia đình phải được xây dựng trên nền tảng của sự thương yêu, quý trọng, tin tưởng, chăm sóc, giúp đỡ nhau nhưng giữa ông A và bà C không chung sống hạnh phúc, ông A không còn tình cảm với bà C, cương quyết ly hôn trong khi bà C cũng không có thiện chí để hàn gắn, hòa giải để duy trì hạnh phúc gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được do đó căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông A.

[2.1.2] *Về con chung*: Ông A và bà C có 03 con chung tên Nguyễn Minh L sinh ngày 01/4/2012, Nguyễn Xuân M sinh ngày 10/02/2016 và Nguyễn Khả N sinh ngày 02/9/2017.

Ông A và bà C đều xác định 03 con chung hiện đang được bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, ông A đồng ý giao 3 con cho bà C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; bà C cũng có yêu cầu nuôi 03 con chung nếu như phải ly hôn. Trẻ Nguyễn Minh L sinh ngày 01/4/2012, mặc dù Tòa án đã yêu cầu tuy nhiên cả ông A, bà C đều không dẫn con đến tòa, Tòa án cũng đã đến trường học nơi trẻ Long đang học để được tiếp xúc trẻ nhưng không được gặp; do đó Tòa án không thực hiện được việc tham khảo nguyện vọng trẻ theo quy định tại khoản 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nhận thấy, cả 03 con chung đang được bà C trực tiếp nuôi dưỡng, nên việc giao cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng là ổn định và phù hợp với yêu cầu của cả hai bên. Hội đồng xét xử chấp nhận giao 3 con chung cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.1.3] *Về mức cấp dưỡng*: Ông A yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.500.000 đồng cho 03 con chung, mỗi con là 1.500.000 đồng. Bà C yêu cầu được cấp dưỡng một lần 400.000.000 đồng cho 03 con. Nhận thấy, mức cấp dưỡng bà C yêu cầu mức cấp dưỡng một lần không được ông A đồng ý; ông A trình bày chưa có thu nhập và công việc ổn định, bà C không có chứng cứ gì chứng minh cho khả năng cấp dưỡng của ông A theo yêu cầu của bà. Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng mà ông A yêu cầu, cụ thể ông A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng 4.500.000 đồng (1.500.000 đồng/con/tháng); mức cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9/2019 cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Quyền thăm nom chăm sóc con chung và các quyền, lợi ích chính đáng liên quan đến việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con được pháp luật ghi nhận và bảo vệ tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp ông Nguyễn Đình Xuân A chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Đình Xuân A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2.1.4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Nguyên đơn và bị đơn đều khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh*: Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp theo quy định pháp luật, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn ông A phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng. Tổng cộng: Nguyên đơn phải chịu 600.000 (Sáu trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ông A đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0037139 ngày 04/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Ông A còn phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình Xuân A:

- *Về hôn nhân*: Ông Nguyễn Đình Xuân A được ly hôn với bà Dương Thị Minh C.

- *Về con chung*: Giao 03 con chung tên Nguyễn Minh L, sinh ngày 01/4/2012, Nguyễn Xuân M, sinh ngày 10/02/2016 và Nguyễn Khả N, sinh ngày 02/9/2017 cho bà Dương Thị Minh C trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Đình Xuân A cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.500.000 (Một triệu năm trăm ngàn) đồng một tháng.

Thực hiện cấp dưỡng từ tháng 9/2019 cho đến khi mỗi trẻ lần lượt đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Đình Xuân A được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp ông Nguyễn Đình Xuân A chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Đình Xuân A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Hai bên khai không có.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Đình Xuân A phải chịu 600.000 (Sáu trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ông A đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0037139 ngày 04/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Ông A còn phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND Phường 14, quận Tân Bình, Tp.HCM (Giấy CNKH số 204/2010, quyền số 01/2010 ngày 29/11/2010);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bành Kim Phượng